

Số 5205/QĐ-CTUBND

Quy Nhơn, ngày 27 tháng 9 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng Nông thôn mới
xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TP QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ v/v ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn năm 2010-2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của liên bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-Ttg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành Tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn; Thông tư số 32/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng nông thôn. (QCVN14:2009/BXD); Thông tư số 09/2010/TT-BXD ngày 04/8/2010 của Bộ Xây dựng về việc quy định việc lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới;

Căn cứ Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 22/8/2011 của Tỉnh ủy Bình Định thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng và Nghị quyết Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh về “Xây dựng nông thôn mới của tỉnh giai đoạn 2011-2015, tầm nhìn đến 2020”; Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 05/9/2011 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 của UBND tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới năm 2011; Quyết định số 2293/QĐ-CTUBND ngày 10/10/2011 của CTUBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới năm 2011 của tỉnh;

Căn cứ Hướng dẫn số 01/HD-SXD-SNNPTNT-TNMT ngày 27/3/2012 của Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới; Hướng dẫn số 03/HD-SXD-SNNPTNT ngày 10/8/2011 của Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chung xã

nông thôn mới; Hướng dẫn số 04/HD-SXD-SNNPTNT ngày 10/11/2011 của Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch chung xã nông thôn mới;

Căn cứ Kết luận số 92/KL-TU ngày 02/8/2012 của Ban Thường vụ Thành Ủy (khóa XII) tại Hội nghị lần thứ 35;

Xét đề nghị của Tổ thẩm định Nông thôn mới thành phố Quy Nhơn tại Tờ trình số 03/TTr-TTĐ ngày 21/9/2012 và Tờ trình số 52/TTr-UBND ngày 27/8/2012 của xã UBND Nhơn Lý (Kèm theo Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐND ngày 07/9/2012 của HĐND xã Nhơn Lý),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng Nông thôn mới xã Nhơn Lý với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Lý, TP Quy Nhơn đến năm 2020.

2. Phạm vi quy hoạch:

a) Ranh giới, diện tích quy hoạch: Diện tích 94 ha. Giới cận:

- + Phía Bắc: Biển Đông;
- + Phía Nam: Núi Phương Mai và Biển Đông;
- + Phía Đông: Núi Cẩm;
- + Phía Tây: Suối Cả.

b) Quy mô và cơ cấu dân số, lao động của xã theo từng giai đoạn quy hoạch

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Hiện trạng năm 2011	Dự báo	
				2015	2020
1	Dân số	Người	9.050	9.465	9.888
2	Số hộ	Hộ	2.334	2.366	2.472

c) Phạm vi lĩnh vực quy hoạch:

Quy hoạch xây dựng, quy hoạch sản xuất và quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

d) Thời gian quy hoạch: Chia 2 giai đoạn:

- + Giai đoạn 1: 2011 - 2015 (đạt 100% tiêu chí nông thôn mới).
- + Giai đoạn 2: 2016 - 2020 (giai đoạn phát triển).

3. Tính chất xã:

- Là xã miền biển, xã bán đảo.
- Ưu tiên đầu tư phát triển khai thác đánh bắt thủy sản; chế biến thủy hải sản và TM-DV-DL, nuôi trồng thủy sản.

4. Tính chất và mục tiêu quy hoạch:

- Đến 2015, xã Nhơn Lý đạt chuẩn (tối thiểu) theo các tiêu chí của Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới do Chính phủ ban hành tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009.

- Phát triển kinh tế - Xã hội gắn với phát triển dịch vụ, du lịch, tận dụng địa hình tự nhiên nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn tiến tới thu hẹp khoảng cách giàu nghèo so với khu vực đô thị.

- Giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá địa phương và bảo vệ môi trường.

- Làm cơ sở để lập đề án, dự án xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới và làm cơ sở để quản lý xây dựng và sản xuất theo quy hoạch.

5. Nội dung quy hoạch

5.1. Quy hoạch xây dựng:

a) Trung tâm xã.

Cơ bản giữ nguyên theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 công trình Khu dân cư dịch vụ du lịch xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn đã được UBND tỉnh phê duyệt.

b) Các điểm dân cư:

Gồm 4 thôn: Thôn Lý Hưng, Lý Lương, Lý Chánh, Lý Hòa.

Chỉnh trang các khu dân cư cũ và đầu tư xây dựng các khu dân cư mới theo quy hoạch đã được duyệt.

c) Các khu chức năng khác:

Quy hoạch tại khu vực nghĩa trang hiện trạng một khu làng nghề truyền thống, sơ chế thủy hải sản... Giai đoạn từ nay đến năm 2015 lầy lùi vào khoảng 50m kể từ mép vỉa hè để thực hiện. Về lâu dài sẽ di dời nghĩa trang theo quy hoạch đã được duyệt.

d) Công trình công cộng:

- Công trình công cộng cấp xã: Theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Thực hiện đầu tư xây dựng các công trình trong Giai đoạn I (2011-2015) ở mức tối thiểu đủ đạt tiêu chí Nông thôn mới, nhưng vẫn phù hợp với quy hoạch đã phê duyệt.

d) Hạ tầng kỹ thuật:

* **Giao thông:** Thực hiện theo các quy hoạch đã được phê duyệt.

Thực hiện bê tông hoá giao thông nông thôn: Về cơ bản giữ nguyên hiện trạng theo quy hoạch xã, đối với những hẻm, ngõ nhỏ trong khu dân cư còn lại tiếp tục thực hiện bê tông hóa đến năm 2015.

* **Thoát nước mưa:** Đi theo hệ thống giao thông, sử dụng cống, mương có nắp trong khu dân cư, còn lại là mương hở.

* **Cấp nước:** Quy hoạch cấp nước sạch cho toàn xã theo quy hoạch tuyến ống cấp nước thành phố từ khu Kinh tế Nhơn Hội. Trước mắt sử dụng giải pháp dùng bể lọc nước giếng.

* **Cấp điện:** Tập trung nâng cấp, tu bổ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

* **Vệ sinh môi trường:**

- Nước thải: Xử lý cục bộ tại từng hộ gia đình, đơn vị, sau đó dẫn vào hệ thống thoát nước chung. Kết hợp giữa thoát nước mưa theo hiện trạng các con suối, mương hiện có với xây dựng hệ thống thoát nước hai bên trục đường chính liên thôn, ưu tiên giải quyết tại các khu ngập úng cục bộ thôn Lý Hòa.

- Chất thải rắn: Bố trí thùng chứa rác lưu động thu gom rác thải trong khu dân cư, sau đó dùng xe ô tô vận chuyển đến trạm xử lý rác thải thành phố. Khuyến khích giải pháp xử lý sinh học đối với rác hữu cơ. Bố trí điểm trung chuyển rác khoảng 100m² tại vùng đất nghĩa địa hiện trạng cách xa khu dân cư trên 50m.

- Nghĩa trang: Về lâu dài sẽ di dời nghĩa trang hiện trạng theo quy hoạch đã được duyệt. Nghĩa địa hiện nay không còn phù hợp với nhu cầu phát triển của Nhơn Lý, ngay từ bây giờ cần vận động người dân chôn cất theo quy hoạch chung Khu kinh tế Nhơn Hội. Mai táng (chôn mới) thì đưa về nghĩa trang phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn; đối với cải táng thì đưa về khu nghĩa địa tập trung xã Cát Nhơn, Phù Cát và xây dựng nhà An Bình, tại thôn Lý Hòa 5.000m² để phục vụ cải táng.

Việc di dời nghĩa trang nhân dân phải chia ra nhiều giai đoạn. Giai đoạn đầu di dời tính từ vỉa hè đường hiện trạng vào khoảng 50m.

5.2. Quy hoạch sản xuất – chuyển dịch cơ cấu phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập:

a) Nông nghiệp:

* Chăn nuôi:

Chủ yếu chăn nuôi loài vật ít gây ô nhiễm môi trường như nuôi đông trên cát.

b) Lâm nghiệp:

Chủ yếu trồng rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát.

c) Thủy sản:

Nâng công suất tàu thuyền, khuyến khích ngư dân nghề đánh bắt xa bờ.

d) TTCN – ngành nghề nông thôn:

Hình thành khu làng nghề truyền thống của xã và khu sơ chế thủy hải sản, khu chế biến nước mắm, chế biến cá khô.

e) Thương mại - dịch vụ:

- Phát triển ngành du lịch, dịch vụ, thương mại theo định hướng chung của tỉnh.

- Thành lập HTX (hoặc tổ, đội) dịch vụ sơ chế, đánh bắt thủy hải sản.

5.3. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020:

Đơn vị tính: ha

TT	CHỈ TIÊU	Mã	Hiện trạng		Các kỳ kế hoạch				
					Kỳ đầu đến năm 2015		Kỳ cuối đến năm 2020		
			Diện tích	Cơ cấu %	Diện tích	Cơ cấu %	Diện tích	Cơ cấu %	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		94,0		94,0		94,0	
1	Đất nông nghiệp	NNP	5,43	100,00	2,03	100,00		
1.1	Đất lúa nước	DLN						
1.2	Đất trồng lúa nương	LUN						
1.3	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK						
1.4	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	5,43	100,00	2,03	100,00		
1.6	Rừng đất dụng	RDD						
1.7	Đất rừng sản xuất	RSX						
1.8	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS						
1.9	Đất làm muối	LMU						
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH						
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	82,86	100,00	89,76	100,00	94,00	100,00
2.1	Đất ở nông thôn	ONT	40,26	48,59	46,76	52,09	52,75	56,12
2.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, CTSN	CTS	0,42	0,51	0,42	0,47	0,42	0,45
2.3	Đất quốc phòng	CQP	0,93	1,12	0,93	1,04	0,93	0,99
2.4	Đất an ninh	CAN						
2.5	Đất khu công nghiệp	SKK						
2.6	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC			3,80	4,23	4,13	4,39
2.7	Đất sản xuất vật liệu XD gốm sứ	SKX						
2.8	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS						
2.9	Đất di tích danh thắng	DDT						
2.10	Đất xử lý, chôn lấp chất thải	DRA			0,01	0,01	0,01	0,01
2.11	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	2,34	2,82	2,34	2,61	2,34	2,49
2.12	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	11,90	14,36	4,69	5,23	0,50	0,53
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng	SMN						

2.14	Đất sông, suối	SON						
2.15	Đất phát triển hạ tầng	DHT	27,01	32,60	29,91	33,32	31,56	33,57
2.16	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			0,09	1,00	1,36	1,45
3	Đất chưa sử dụng	DCS	5,71	6,07	2,21	2,35		
4	Đất đô thị	DTD						
5	Đất khu bảo tồn thiên nhiên	DBT						
6	Đất khu du lịch	DDL						
7	Đất khu dân cư nông thôn	DNT	64,94	69,09	73,85	78,56	79,56	84,63

5.4. Khái toán nhu cầu vốn đầu tư:

* Nhu cầu vốn đầu tư:

Ước tính nhu cầu tổng vốn đầu tư: 47,75 tỷ đồng; trong đó:

- Xây dựng cơ sở hạ tầng : 28,50 tỷ đồng
- Đầu tư phát triển sản xuất: 19,25 tỷ đồng

* Phân kỳ vốn đầu tư

- Giai đoạn 2011 - 2015: 32,935 tỷ đồng.
- Giai đoạn 2016 - 2020: 14,825 tỷ đồng.

5.5. Các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư:

- Xây dựng hệ thống giao thông đảm bảo nhu cầu đi lại nhân dân trong vùng. Trước mắt, ưu tiên đầu tư bê tông hoá, cứng hoá giao thông thôn xóm.
- Xây dựng hệ thống thoát nước, kè biển đảm bảo chống triều cường, xây dựng khu tái định cư dân vùng thiên tai, khu dân cư dịch vụ du lịch Suối Cả.
- Thực hiện chương trình phát động và hướng dẫn xây dựng công trình vệ sinh (nhà tắm, hố xí, bể nước) từng nhà trong nhân dân toàn xã.
- Đầu tư khu làng nghề truyền thống.
- Hỗ trợ đầu tư đánh bắt xa bờ.
- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn..

6. Chi phí lập quy hoạch: 172.807.120 đồng.

(Một trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm lẻ bảy nghìn, một trăm hai chục đồng).

Trong đó:

- Chi phí Thiết kế quy hoạch xây dựng: 84.493.000,đ.
- Chi phí quy hoạch sử dụng đất: 68.343.000,đ.
- Chi phí lập Nhiệm vụ quy hoạch: 6.144.960,đ.
- Chi phí Thẩm định đồ án: 5.376.840,đ.
- Chi phí quản lý, nghiệp vụ lập đồ án QH: 4.608.720,đ.
- Chi phí công bố quy hoạch: 3.840.600,đ.

7. Nguồn vốn: Vốn ngân sách Nhà nước và vốn huy động từ nhân dân.

8. Tổ chức thực hiện:

- Phê duyệt đồ án quy hoạch: UBND TP Quy Nhơn.
- Thẩm định đồ án quy hoạch: Tổ thẩm định quy hoạch Nông thôn mới thành phố Quy Nhơn.
- Chủ đầu tư: UBND xã Nhơn Lý.
- Tư vấn thiết kế quy hoạch: Cty TNHH TVTK & ĐTXD Lam Sơn.

Điều 2: Quyết định này làm căn cứ để thiết kế và thanh quyết toán chi phí quy hoạch chung xây dựng Nông thôn mới xã Nhơn Lý.

Điều 3: Chánh Văn phòng HĐND&UBND thành phố, Trưởng phòng Kinh tế, Quản lý đô thị, Tài nguyên & Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch UBND xã Nhơn Lý, và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./



Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- VP điều phối NTM tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND TP;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Dũng